TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P,** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 433/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15 – 9 – 2023

"Về việc Ly hôn giữa
anh T và chị H"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Anh

2. Ông Nguyễn Văn Ngân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh An Giang *tham gia phiên tòa:* Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 307/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Võ Thanh T, sinh năm 1983, *(có đơn xin vắng mặt).*

Nơi cư trú: Số A, Khu phố B, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: chị Phạm Thị Ánh H, sinh năm 1984, *(có đơn xin vắng mặt).*

Nơi cư trú: Hẻm S, tổ A, ấp M (nay là khóm M), thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 6 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Võ Thanh T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: năm 2005 anh và chị Phạm Thị Ánh H tìm hiểu về tình cảm, anh chị đồng ý kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, Giấy chứng nhận kết hôn số 110, quyển số 01, ngày 10/8/2005. Vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 9 năm 2008 phát sinh mâu thuẫn do

vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, chị H bỏ đi và vợ chồng ly thân từ năm 2008 đến nay. Anh T nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh yêu cầu ly hôn chị H.

+ Về nuôi con chung: anh chị có 01 người con chung tên Võ Thanh V, sinh ngày 24/5/2006, anh T đang nuôi dưỡng. Tại văn bản ngày 03/7/2023 cháu Võ Thanh V có nguyện vọng sống với cha. Anh T yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

+ Về chia tài sản và nợ chung: anh T khai không có.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023 anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Tại Bản tự khai ngày 02/8/2023 của chị Phạm Thị Ánh H (là bị đơn) trình bày:*

Năm 2005 chị vả anh T tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 10/8/2005 tại Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Chị và anh T không còn chung sống từ năm 2008 đến nay do bất đồng quan điểm sống. Nay, anh T yêu cầu ly hôn, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Võ Thanh V, sinh ngày 24/5/2006, anh T đang nuôi dưỡng. Chị đồng ý giao cho anh T tiếp tục nuôi cháu V, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: chị H khai không có.

Chị H đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Võ Thanh T đối với chị Phạm Thị Ánh H theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; về nuôi con chung, giao con chung tên Võ Thanh V, sinh ngày 24/5/2006 cho anh T nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập; chia tài sản và nợ chung không có; về án phí hôn nhân, anh T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Võ Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Phạm Thị Ánh H, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T và chị H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T và chị H.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Hôn nhân của anh T và chị H là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và có thời gian dài ly thân từ năm 2008 đến nay không hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh T yêu cầu ly hôn, chị H đồng ý ly hôn.

Cho thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T và theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cho ly hôn giữa anh T và chị H.

[2.2] Về nuôi con chung: anh T yêu cầu tiếp tục nuôi con chung tên Võ Thanh V, sinh ngày 24/5/2006, anh đang nuôi dưỡng và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H đồng ý giao cháu V cho anh T nuôi dưỡng, cháu vũ cũng có nguyện vọng sống với cha. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Võ Thanh V cho anh Trung trực t nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*", nhưng anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con là sự tự nguyện của anh, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về chia tài sản: không có.

Nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh T và chị H trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, anh T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dânsự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Võ Thanh T và chị Phạm Thị Ánh H, Giấy chứng nhận kết hôn số 110, quyển số 01, ngày 10/8/2005 của Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: giao con chung tên Võ Thanh V, sinh ngày 24/5/2006 cho anh Võ Thanh Trung trực t1 nuôi, anh T đang nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị Phạm Thị Ánh H cấp dưỡng nuôi con, nên chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phạm Thị Ánh H không trực tiếp nuôi con, anh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng cho con.

3. Về chia tài sản: không có.

Nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh T và chị H trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: anh Võ Thanh T phải chịu án phí 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006211 ngày 01/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh An Giang.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND Phương c, TP.T, tỉnh Tây Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Kim Phương